

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị Chủ,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị quốc gia giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và Phát

triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 16/02/2024; của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 71/BC-SXD ngày 21/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình phát triển đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu phát triển đô thị

- Cụ thể hóa Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045.

- Phát triển đô thị Chũ (phạm vi, ranh giới gồm 10 xã, thị trấn: Thị trấn Chũ và các xã Mỹ An, Nam Dương, Quý Sơn, Phượng Sơn, Trù Hựu, Kiên Thành, Kiên Lao, Hồng Giang, Thanh Hải (không bao gồm thôn Khuôn Rễ)) đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2024 và hướng tới tiêu chí của đô thị loại III sau năm 2030; đủ điều kiện thành lập thị xã vào năm 2024 và đến năm 2045 đảm bảo các điều kiện phát triển thành thành phố trực thuộc tỉnh Bắc Giang; là đô thị trung tâm của vùng kinh tế phía Đông của tỉnh.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn hàng năm, 5 năm phù hợp với quy hoạch chung đô thị, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Lập danh mục các dự án đầu tư phát triển đô thị, dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí, nguồn vốn và giai đoạn thực hiện làm cơ sở để bố trí và huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng phát triển đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang.

2. Phạm vi lập chương trình phát triển đô thị

Phạm vi lập chương trình phát triển đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang phù hợp với quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang được phê duyệt có tổng diện tích khoảng 25.155ha, bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của 10 xã, thị trấn: Thị trấn Chũ và các xã Mỹ An, Nam Dương, Quý Sơn, Phượng Sơn, Trù Hựu, Kiên Thành, Kiên Lao, Hồng Giang, Thanh Hải (không bao gồm thôn Khuôn Rễ), huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo từng giai đoạn

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị	Hiện trạng	Đề xuất 2025	Đề xuất 2030	Đề xuất 2035	Đề xuất 2045
1	Mật độ dân số toàn đô thị	ng/km ²	542	565	670	776	988
2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	ng/km ²	6.044	6.300	7.500	8.000	9.200

3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	%	4,93	6,1	15	20	30
4	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thị	m ² /người	21,08	22,5	28,5	30,5	34,5
5	Diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /người	8,63	9,5	12	14	16
6	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	%	17,5	18,5	22	22,5	23
7	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn	%	0	Xây dựng trạm XLNT	≥15	≥20	≥30
8	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	2,33	3,75	5,5	6,2	7,25
9	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	Chưa có quy chế	Lập quy chế	Thực hiện tốt quy chế	Thực hiện tốt quy chế	Thực hiện tốt quy chế
10	Công trình xanh	công trình	0	1	2	2	3
11	Số lượng phường dự kiến thành lập mới	Phường	0	5	3	0	0

4. Danh mục dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị

STT	Tiêu chuẩn cần khắc phục	Tên Chương trình, dự án
I	Hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt của đô thị loại IV	
1	<ul style="list-style-type: none"> - Mật độ dân số toàn đô thị - Mật độ đường giao thông đô thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như: <ul style="list-style-type: none"> + Kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị; cụm công nghiệp, công nghiệp chế biến, bảo quản các sản phẩm nông, lâm nghiệp và đầu tư các ngành nghề giải quyết được nhiều lao động thu hút nguồn lao động: Xây dựng CCN Phụng Sơn; Hạ tầng CCN Cầu Đất; Xây dựng hệ thống các công trình thương mại dịch vụ phục vụ phân phối hàng hóa và kho vận hậu cần logistics; Xây dựng cơ sở sản xuất chế biến nông lâm sản tại Nam Dương; Xây dựng cơ sở sản xuất Khu làng nghề mỹ Chũ. + Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch trọng tâm là khu du lịch sinh thái: Khu đô thị sinh thái Hồ làng Thum, xã Quý Sơn; Khu đô

		<p>thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thân tại xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn.</p> <p>+ Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn, các khu đô thị, khu dân cư: Khu đô thị mới chợ nông sản huyện Lục Ngạn; Khu đô thị mới Trần Phú, huyện Lục Ngạn (giai đoạn 1); Dự án Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 1); Khu dân cư Lê Hồng Phong, thị trấn Chũ... tạo động lực phát triển đô thị.</p> <p>- Đầu tư cải tạo và nâng cấp, hệ đường và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật. Các trục đường làm mới thiết kế mặt cắt ngang có chiều rộng lòng đường tối thiểu là 7m.</p>
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật	<p>- Xây dựng thu gom và xử lý nước thải tập trung cho đô thị Chũ bao gồm: Trạm 1 tại thôn Cầu Cát thị trấn Chũ, công suất khoảng 370 - 400 m³/ngđ; Trạm số 2 tại xã Trù Hựu, công suất khoảng 590-600 m³/ngđ.</p> <p>- Xây dựng các trạm xử lý nước thải của các dự án khu dân cư, khu đô thị mới.</p>
3	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị theo quy hoạch chung đô thị Chũ đã được phê duyệt.
4	Công trình xanh	Xây dựng các công trình nhà ở, công trình công cộng, thương mại theo các tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu chứng nhận công trình xanh.
II Hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt của đô thị loại III		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước - Mật độ dân số toàn đô thị - Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị - Số lượng không gian công cộng của đô thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như: Kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; công nghiệp; dịch vụ du lịch; phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, nhà hàng, khách sạn. - Các dự án khu đô thị, khu dân cư. - Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, chất lượng cao, tận dụng các lợi thế về điều kiện tự nhiên. Phát triển dịch vụ vận tải, logistics, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm sản xuất nông nghiệp.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị - Công trình văn hóa cấp đô thị - Công trình thể dục thể thao cấp đô thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các trường THPT tại các xã Mỹ An, Kiên Lao, Quý Sơn và 2 trường liên cấp quốc tế ngoài công lập. - Đầu tư xây dựng theo quy hoạch trung tâm văn hóa thể thao cấp đô thị khu vực phía Nam xã Thanh Hải.

		- Xây dựng trung tâm liên hợp thể thao, sân vận động, trung tâm văn hóa.
3	- Công trình đầu mối giao thông - Mật độ đường giao thông đô thị - Diện tích đất giao thông bình quân đầu người - Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	- Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường giao thông đối ngoại. - Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường hiện trạng. Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường nội thị chiều rộng lòng đường tối thiểu là 7m. Xây dựng mới 04 cầu nằm trên các tuyến đường trục chính, tuyến đường liên khu vực tạo kết nối đô thị hai bên sông Lục Nam. - Các dự án khu đô thị, khu dân cư.
4	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	- Nâng cấp công suất của các nhà máy cấp nước hiện trạng: Nhà máy nước Chũ, nhà máy nước Phượng Sơn, nhà máy nước Hồng Giang. - Xây mới nhà máy nước Khuôn Thân có công suất 7.000 m ³ /ngđ. - Xây dựng mới nhà máy nước Chũ 2 (sử dụng nguồn nước thô từ hồ Cẩm Sơn) đặt ở xã Kiên Lao giai đoạn 1 đến 2030 là 15.000 m ³ /ngđ.

5. Danh mục các khu vực phát triển đô thị

5.1. Phân khu số 1: Khu đô thị sinh thái dịch vụ - công nghiệp phía Tây Nam

Diện tích khoảng 6.805 ha, dân số đến năm 2045 khoảng 46.000 người; phạm vi, ranh giới thuộc khu vực phía Tây Nam và phía Nam đô thị Chũ, gồm các xã Phượng Sơn, Mỹ An, Nam Dương. Là vùng phát triển đô thị mới khu vực cửa ngõ phía Tây và ven sông Lục Nam, theo các trục phát triển chính là ĐT.293C, ĐT.289, quốc lộ 31, hành lang sông Lục Nam. Phát triển không gian đô thị mới kết hợp chỉnh trang đô thị hiện hữu. Quy hoạch hệ thống trung tâm công cộng phía Bắc quốc lộ 31 tại thị trấn Phượng Sơn; cụm công nghiệp Phượng Sơn, cụm công nghiệp Cầu Đất theo hướng thu hút công nghiệp sạch, khu hỗn hợp dịch vụ, logistics. Phát triển vùng sinh thái núi xã Nam Dương và Mỹ An gắn với lâm nghiệp, du lịch; xây dựng cảng sông Mỹ An, làng nghề mỳ Chũ... Ưu tiên bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hạn chế việc can thiệp làm thay đổi đặc trưng riêng khu vực.

5.2. Phân khu số 2: Khu đô thị sinh thái nông nghiệp - du lịch và dịch vụ trung tâm

Diện tích khoảng 10.115 ha; dân số đến năm 2045 khoảng 160.000 người; phạm vi, ranh giới thuộc khu vực trung tâm và khu vực phía Đông, gồm thị trấn Chũ và các xã Quý Sơn, Trù Hựu, Thanh Hải, Hồng Giang. Gồm 3 cụm phát triển:

(i) Tiểu phân khu II - A: Phát triển đô thị truyền thống thuộc địa bàn thị trấn Chũ, xã Trù Hựu và một phần xã Quý Sơn, diện tích 2.068 ha, quy mô dân số khoảng 75.000 người. Định hướng nâng cấp khu trung tâm hành chính hiện hữu, mở rộng xây dựng bổ sung các công trình hạ tầng xã hội trở thành trung tâm thị xã

và dự trữ thành trung tâm thành phố Chũ đến năm 2045. Quy hoạch hoàn thiện trục đường quốc lộ 31, ĐT.289, đường Trần Phú, Lê Lợi để tạo lập trục chính đô thị, thương mại và kinh tế của đô thị Chũ. Thiết lập hành lang xanh khu vực phía Bắc ven sông Lục Nam. Tạo hành lang xanh ven hệ thống các suối Quý Sơn, Cầu Cao và suối Bông.

(ii) Tiểu phân khu II - B: Phát triển dịch vụ - công nghiệp, nông nghiệp đô thị, thuộc địa bàn xã Quý Sơn, diện tích 4.790 ha, quy mô dân số khoảng 30.000 người. Định hướng phát triển gắn với lợi thế hướng về Tây với các trục đường quốc lộ 31, ĐT.293C, ĐT.290B, các khu dân cư đô thị với đa dạng hình thái như phố thương mại, khu ở làng đô thị hóa... Hồ Làng Thum ở phía Tây xã Quý Sơn, quy hoạch bổ sung không gian đô thị và thương mại, dịch vụ khu vực phía Nam ĐT.290B; chợ đầu mối và trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

(iii) Tiểu phân khu II-C: Phát triển thương mại, dịch vụ và nông nghiệp, thuộc địa bàn xã Hồng Giang, Thanh Hải, diện tích 3.257 ha, dân số khoảng 55.000 người. Trên cơ sở quốc lộ 31, ĐT.290, ĐT.290B và khu vực trung tâm xã Hồng Giang, trung tâm xã Thanh Hải. Định hướng các khu dịch vụ cấp đô thị, phát triển các khu dân cư theo mô hình đô thị mật độ thấp gắn với nông nghiệp trồng vải và cây ăn quả đặc sản. Xây dựng hệ thống hạ tầng nông nghiệp đô thị tiên tiến theo hướng xanh, khu trung tâm tổng hợp phía Đông của đô thị Chũ, khu đô thị sinh thái hồ Đá Mài, các khu chức năng hỗn hợp thương mại, dịch vụ hai bên đường ĐT.290 và phía Bắc đường ĐT.290B.

5.3. Phân khu số 3: Khu vực dân cư nông thôn

a) Gồm có 2 xã Kiên Lao và Kiên Thành với tổng diện tích khoảng 8.234 ha chiếm khoảng 32,7% diện tích đô thị Chũ; có dân số dự báo đến năm 2045 khoảng 34.000 người. Là khu vực dân cư nông thôn phía Bắc sản xuất hàng hóa nông lâm nghiệp gắn với việc bảo tồn cảnh quan đồi núi tự nhiên và là vùng có tiềm năng phát triển du lịch, tạo động lực cho đô thị như khu hồ Khuôn Thần và một phần hồ Bầu Lầy. Xây dựng, phát triển các khu vực dân cư nông thôn gắn với điều kiện cụ thể của từng địa phương trên cơ sở bổ sung các tiêu chí về xã nông thôn mới và tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

6. Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước phát triển bền vững đô thị

- Đề án xây dựng đô thị thông minh.
- Đề án tăng cường hiệu quả sử dụng điện, khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.
- Đề án cải tạo, quản lý và phát triển cây xanh đô thị.
- Đề án xây dựng tuyến phố văn minh đô thị.

7. Các dự án đầu tư phát triển đô thị

7.1. Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để hoàn thiện, nâng cao tiêu chuẩn phân loại đô thị:

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khung để hoàn thiện khắc phục các tiêu chí của đô thị loại IV, loại III.

- Các dự án để hoàn thiện, nâng cao tiêu chuẩn chưa đạt hoặc đạt nhưng ở mức thấp về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo tiêu chuẩn phân loại đô thị đối với các phường thành lập mới, các khu vực dự kiến thành lập phường trong tương lai.

7.2 Các dự án có thể mạnh, động lực, tiềm năng cho phát triển kinh tế của địa phương như: Khu đô thị, du lịch sinh thái thể thao Khuôn Thần tại xã Kiên Lao; làng nghề mỳ Chũ tại xã Nam Dương; các cụm công nghiệp, khu nghiên cứu R&D; dịch vụ logistics, khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở, dịch vụ thương mại cấp vùng và dịch vụ du lịch...

7.3. Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác thuộc phạm vi đô thị được xác định trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị.

7.7. Tổng hợp sơ bộ nhu cầu kinh phí thực hiện:

a) Tổng hợp theo danh mục dự án:

STT	Danh mục dự án	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
I	Khắc phục tiêu chí phân loại đô thị	4.948,29
II	Các dự án đồng bộ hệ thống công cụ quản lý về quy hoạch, phát triển đô thị	210,04
III	Khung hạ tầng kỹ thuật	4.355,2
1	Công trình giao thông	1.875,70
2	Công trình cấp nước	770,00
3	Công trình thoát nước	1.061,00
4	Công trình chất thải rắn, nghĩa trang, nhà tang lễ	64,00
5	Công trình cấp điện, chiếu sáng	527,00
6	Công trình thông tin liên lạc	57,50
III	Khung hạ tầng xã hội	17.842
1	Công trình thể dục thể thao	3.170
2	Công trình y tế	2.445
3	Công trình giáo dục cấp đô thị	1.888
4	Công trình văn hóa	112
5	Công viên, khuôn viên, vườn hoa đô thị	6.525
6	Công trình di tích, tín ngưỡng	270
7	Công trình phát triển công nghiệp	1.910

8	Thương mại dịch vụ	1.522
IV	Các dự án ưu tiên thu hút đầu tư tạo động lực phát triển (khu đô thị, khu dân cư)	6.125,09
	Tổng	33.480,62

b) Tổng hợp theo nguồn vốn, giai đoạn thực hiện:

STT	Nguồn vốn thực hiện	Giai đoạn thực hiện	
		2024-2030	2031-2045
1	Ngân sách tỉnh (tỷ đồng)	1.992,2	2.333,5
2	Ngân sách huyện (tỷ đồng)	2.971,66	3.728
3	Vốn khác (tỷ đồng)	8.388,76	14.066,5
	Tổng	13.352,62	20.128

8. Tổ chức thực hiện

8.1. UBND huyện Lục Ngạn: Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định của pháp luật; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc (nếu có); tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện chương trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn.

8.2. Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; đồng thời giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, TKCT, GT, TN;
 - + Lưu: VT, KTN.Tuấn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích